



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 05/09/2026 (Saturday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
2.9	20:20	22:30	↙
2.6	00:03	03:30	↗
3.3	05:14	08:30	↙
0.8	13:35	17:00	↗
3	22:27	00:30	↙
2.9	01:07	05:45	↗

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đ.Long	SYMEON P	9.9	186	29,421	P/s3 - CL3	03:30		A2-A5
2	V.Tùng	STARSHIP URSA	9.5	173	20,920	P/s3 - CL4-5	02:00		A1-A3
3	N.Cường	KMTC SHANGHAI	9.8	188	20,815	P/s3 - CL4	04:00	//0700	A5-A6
4	Đ.Minh	SITC XIN	9.8	172	19,011	P/s3 - BNPH	05:00		A1-A3
5	V.Dũng	SITC MACAO	9.6	172	17,119	P/s3 - BP6	05:30	Tăng cường dây	A2-A5
6	Quang	MCC CEBU	8.9	186	32,828	P/s3 - CL7	12:30	//1430	A5-A6
7	Thịnh	WAN HAI 286	10.3	175	20,924	P/s3 - CL4	20:30		
8	M.Tùng - Hoàn	MERATUS JAYAGIRI	10.35	200	25,535	P/s3 - CL5	21:00	Cano DL	
9	T.Tùng	TERATAKI	10.1	186	29,421	P/s3 - CL3	21:00	//0000-MP	
10	Uy	TIDE CAPTAIN	7	162	13,406	H25 - TCHP	01:00	SR	
11	Diệu	HOAI SON 56	5.9	80	2,293	H25 - CanGio	06:00	ĐX, SR	
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	M.Hải - Th.Hùng	ONE STORK	12.4	364	145,251	P/s3 - CM3	05:00	MP-3NM-VTX	MR-KS-AWA
2	N.Thanh - Đức	NYK FUTAGO	11	267	44,925	CM4 - P/s3	00:30	MT-VTX	A9-A10
3	Hồng - Quân	COSCO SHIPPING YANGPU	11.3	366	157,741	P/s3 - CM4	05:00	MP-VTX	A9-A10-H9
4	P.Hung	IRENES RAINBOW	10.5	186	30,221	CM3 - P/s3	05:00	MP	MR-KS
5	Duyệt - P.Tuấn	COSCO SHIPPING YANGPU	10.5	366	157,741	CM4 - P/s3	21:00	MP-VTX	A9-A10-H9
6	Nhật - N.Dũng	NYK FUJI	11.8	267	44,854	P/s3 - CM4	21:00	MP-VTX	A9-A10
7	Hồng - Th.Hùng	ONE HANNOVER	11.7	336	98,747	P/s3 - CM2	23:30	MP-VTX	MR-KS
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat

1	M.Cường - Quyền	KMTC ULSAN	9.3	169	16,717	CL4-5 - P/s3	00:30	LT	A3-A6
2	Chính	HUNG PHAT 169	3	80	3,260	CanGio - G5	05:00	SR	
3	K.Toàn	KMTC LAEM CHABANG	9.5	173	18,318	CL4 - P/s3	05:00	LT	A1-A2
4	Đ.Toàn	JARU BHUM	9.8	172	18,341	CL1 - P/s3	09:00	LT	A2-A3
5	B.Long - Vinh	TPC206-TK01;TPC206-SL01	3	190	6,257	CanGio - H25	11:00	SR	
6	Nghị - Kiên	TPC206-TK02;TPC206-SL02	3	190	6,257	CanGio - H25	11:00	SR	
7	A.Tuấn - T.Dũng	MAERSK VILNIUS	9.1	180	20,927	CL5 - P/s3	14:30	LT	A2-A5
8	P.Cần - Th.Tùng	SITC RUNDE	8.7	172	18,724	CL7 - P/s3	14:30	LT	A1-A6
9	Quyết	SITC XIN	9.2	172	19,011	BNPH - P/s3	18:00	LT	A1-A3
10	Hà - Đảo	KMTC SHANGHAI	9.5	188	20,815	CL4 - P/s3	17:00	LT	A5-A6
11	N.Cường	STARSHIP URSA	9.7	173	20,920	CL4-5 - P/s3	23:00		A1-A3
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	V.Hải	SITC MACAO	9.6	172	17,119	BP6 - CL1	14:30	Shifting, ĐX	



SAIGON NEWPORT
PILOT
PILOTING TO SUCCESS